

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 166/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2001; CCCD số: 086301006881; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long); Tạm trú: Số F L, khu phố E, phường T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 2001; CCCD số: 079201006015; Địa chỉ: Số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 03/8/2023. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không

có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 đã không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 xác nhận trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Ngọc Minh A (Nữ), sinh ngày: 01/3/2024.

Cả hai thỏa thuận giao cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Việc thỏa thuận nuôi con giữa bà T và ông T1 là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2023).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Ngọc Minh A (Nữ), sinh ngày: 01/3/2024.

Cả hai thỏa thuận ông T1 sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Minh T1 phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/26E, số: 0010077 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân